

Số: 1250/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2025;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 976/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 09 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Đức Đ, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 079093037XXX do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: 310 lô I Chung cư N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1994.

Căn cước công dân số: 079194018XXX do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 16/9/2022.

Thường trú: 114/11 đường P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 20/9 đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 86 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y (nay là phường V) cấp ngày 22/12/2020 thì bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan trọng cuộc sống. Cả hai đã nhiều lần hòa giải nhưng không cải thiện được. Xét thấy, khả năng hàn gắn là không có và sự thỏa thuận của hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tạm ứng lệ phí do bà Võ Thị Thu H và ông Bùi Đức Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008162 ngày 10/08/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 34 Luật thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường V, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiếu Thuận